

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HSST
Ngày 16 tháng 12 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Hoàng Văn Khảm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Ông Lưu Hải Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1985 tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn 6, xã Trung Hà, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Văn Lâu và bà Nguyễn Thị Lộc; có vợ là Nguyễn Thị Hải và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 05/6/2020, Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 18 tháng. Đến ngày 30/01/2022 N chấp hành xong quyết định.

Nhân thân: Ngày 31/12/2009, Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Trần Văn N 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 09 tháng về tội Đánh bạc. Ngày 08/02/2010 Trần Văn N đã chấp xong Bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Y, “có mặt”

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn Duy, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Bị hại: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 2, xã Trung Hà, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Phần Xa, xã Trung Kiên, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn, 4 xã Trung Hà, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 07/7/2022, Trần Văn N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: xanh, BKS: 88F3 - 3698 đi đến miếu Nghè thuộc thôn Lương 1, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc để tìm gặp người quen nhằm vay mượn tiền mua ma túy sử dụng cho bản thân nhưng không gặp được người quen để vay tiền. Khi đến cổng miếu Nghè, N quan sát thấy tại sân miếu có dựng 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Dream, màu sơn nâu, BKS: 88F1 - 048.19 của chị Trần Thị T, đang cắm chìa khóa xe tại ổ khóa điện, xung quanh sân miếu không có ai trông giữ phương tiện nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. Sau đó, Trần Văn N điều khiển xe mô tô của mình đến nhà chị Bùi Thị Nga, cách miếu Nghè khoảng 50 mét để gửi xe mô tô này. Khi đến cửa nhà chị Nga, quan sát thấy cửa mở và có người trong phòng khách nên N bảo cho N gửi nhờ xe mô tô rồi đi bộ quay trở lại miếu Nghè để thực hiện hành vi trộm cắp. Chị Nga thấy có người lạ không quen biết đến gửi xe mô tô thì liền đi ra xem là ai, ở đâu nhưng do N đi quá nhanh nên chị Nga không biết N đã đi về hướng nào. Khi N quay trở lại miếu Nghè thì vẫn thấy chiếc xe mô tô BKS: 88F1 - 048.19 dựng tại sân miếu và cũng không thấy ai ở sân miếu hay ai trông giữ xe mô tô nên N đi đến vị trí chiếc xe mô tô rồi dùng tay mở khóa điện, đề nổ máy xe mô tô và điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi ra khỏi khu vực miếu. Do biết ông Nguyễn Văn H có mua bán, cầm đồ xe mô tô từ trước nên N lái xe đến nhà ông Hồng để cầm cố xe mô tô vừa trộm cắp được. Khi đến nơi N gặp ông Hồng và nói muốn cầm cố chiếc xe mô tô của mình một vài hôm vì cần tiền gấp lo công việc nên ông Hồng đồng ý. Sau đó ông Hồng kiểm tra chiếc xe mô tô N điều khiển đến có nhãn hiệu: Honda, loại xe: Dream, màu sơn: nâu, BKS: 88F1 - 048.19 và hỏi N về nguồn gốc và giấy tờ của xe mô tô thì N nói xe mô tô này là tài sản của N còn giấy tờ xe thì N để ở nhà không mang theo nhưng do quen biết từ trước và nghĩ N chỉ cầm cố ít ngày nên ông Hồng không viết giấy tờ cầm cố hay bắt buộc N phải kèm theo giấy tờ gì khác và cũng không thu tiền lãi gì từ việc cầm cố xe mô tô trên. Sau đó, ông Hồng đồng ý cho N cầm cố chiếc xe này với số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng) N đồng ý. Ông Hồng đưa N số tiền 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và hẹn N đến tối quay lại sẽ đưa số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn

đồng) còn lại do ông Hồng không có đủ tiền mặt N cũng đồng ý với ông Hồng. Trần Văn N cầm số tiền 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và giao lại chiếc xe mô tô BKS: 88F1 - 048.19 cho ông Hồng giữ. N đi bộ rời khỏi nhà ông Hồng rồi đi nhờ một người đàn ông đang đi đường mà N không quen biết về nhà chị Nga lấy lại chiếc xe mô tô BKS: 88F3 - 3698 đã gửi trước đó, ngoài ra N cũng không trao đổi với chị Nga về việc N vừa đi trộm cắp tài sản hay việc gì khác. Khi lấy được xe mô tô của mình, N điều khiển xe mô tô đi đến khu vực nghĩa trang xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội thì N gặp 01 người đàn ông không quen biết đang đứng ở đó, do bản thân N là người nghiện ma túy nên N biết tại khu vực này thường có một số đối tượng tụ tập trích hút ma túy, do vậy N đã hỏi người này có ma túy bán lại cho N ít để N sử dụng thì người đàn ông này đồng ý và bán cho N 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng) tiền ma túy Heroin. Sau khi mua được ma túy N đã đi vào một góc bên đường và sử dụng hết toàn bộ số ma túy vừa mua được để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân. Hiện tại, N cũng không nhớ chính xác địa điểm bản thân đã sử dụng ma túy. Sau đó, N sử dụng điện thoại di động của mình rủ Trần Quang Tuyên và Nguyễn Văn Chuyên đi ăn uống hết số tiền 650.000đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, N tiếp tục gọi điện thoại di động rủ Đỗ Đình Thụ đi chơi rồi cùng Thụ đi ăn uống hết số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Khi ăn uống xong, N cùng Thụ đến nhà của Thụ tại thôn Vinh Quang, xã Liễn Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc để chơi và nghỉ lại qua đêm. Trong thời gian đó, N ăn uống, tiêu xài hết số tiền 1.770.000đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng N đều không nhớ rõ địa chỉ ở đâu. Tổng số tiền N tiêu xài sau khi có tiền cầm cố xe mô tô là 3.420.000đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Đến chiều ngày 08/7/2022, Trần Văn N về nhà thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Y triệu tập đến trụ sở Công an để làm việc.

Ngày 08/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã tạm giữ được xe mô tô BKS: 88F3 - 3698 là phương tiện mà Trần Văn N sử dụng để đi trộm cắp tài sản; tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Viettel, màu: xanh, có phím bấm màu: đen trắng, đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim thuê bao số 0337.798.914 và số tiền 80.000đồng (tám mươi nghìn đồng) của Trần Văn N có liên quan đến vụ án trên. Cùng ngày đó, ông Nguyễn Văn H cũng tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô BKS: 88F1 - 048.19 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Y để phục vụ công tác điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐGTS đề ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Y kết luận trị giá chiếc xe mô tô Honda Dream, màu nâu, BKS: 88F1 - 048.19 là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Tại Cáo trạng số: 58/CT- VKSYL ngày 28 tháng 10 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Trần Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/12/2022. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Hồng số tiền 3.500.000đồng. Được trừ đi 80.000đồng là số tiền bị cáo cầm cố xe mô tô cho ông Hồng còn lại, do Quá trình điều tra – Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo, nay bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại là 3.420.000đồng. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh, đã cũ, qua sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N trình bày bản bào chữa khẳng định Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

Bị hại chị Trần Thị T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra chị trình bày ngày 07/7/2022, chị bị mất chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 88F1- 048.19, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu và trả lại cho chị, sau khi nhận lại tài sản không bị hỏng gì. Nay chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/12/2022, chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra ông trình bày: Ông làm nghề mua bán cầm cố xe mô tô ở thôn Phần Xa, xã Trung Kiên, huyện Y và có quen biết Trần Văn N. Ngày 07/7/2022, N đến nhà ông và nói do có việc gia đình nên muốn cầm cố chiếc xe mô tô BKS 048.19, do quen biết N nên ông đồng ý cầm cố cho N giá 5.000.000đồng và ông đưa trước 3.500.000đồng còn 1.500.000đồng ông hẹn N tối lại lấy nhưng không thấy N quay lại. Khi cho N cầm cố xe ông không biết chiếc xe nay do N trộm cắp mà có. Quá trình điều tra ông đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nói trên cho Cơ quan Công an huyện Y để phục vụ xét xử. Nay ông yêu cầu N phải trả ông số tiền 3.500.000đồng.

Anh Nguyễn Văn H2 tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh trình bày: Anh có 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 88F3- 3698, nguồn gốc chiếc xe này anh mua của một người phụ nữ ở tỉnh Tuyên Quang vào cuối năm 2021, khi mua có đầy đủ giấy tờ thủ tục mua xe. Quá trình sử dụng anh đã làm mất giấy tờ, do đó anh cho Trần Văn N mượn để lấy phương tiện đi lại. Nay anh cũng không có

đề nghị gì đối với chiếc xe này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra Viên, của Viện kiểm sát, của kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y. Bị cáo khai nhận khoảng 7 giờ ngày 07/7/2022. Tại sân Miếu Nghè thuộc thôn Lương 1, xã Trung Kiên, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Trần Văn N đã trộm cắp 01 chiếc xe một tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, BKS: 88F1 - 048.19 của chị Trần Thị T, tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng của vụ án cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Trần Văn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[4] Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và một tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy tài sản sau khi trộm cắp đã được thu hồi và trả lại ngay cho bị hại nhưng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân không tốt ngày 31/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Y kết án về tội đánh bạc và có 01 tiền sự vào ngày 05/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Lèn Lạc ra quyết định đưa vào cai nghiện bắt buộc, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà ham chơi không chịu lao động nên tiếp tục phạm tội.

[5.1] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án triệu tập bị cáo đến nhận quyết định nhưng bị cáo đều không chấp hành. Qua làm việc với người nhà bị cáo và xác minh tại chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú được biết khoảng 10 ngày nay bị cáo vắng mặt tại gia đình và địa phương, bị cáo đi đâu và làm gì gia đình và địa phương không hề biết. Vì lẽ đó Tòa án đã ra lệnh bắt bị cáo để đảm bảo cho việc xét xử và ngày 12 tháng 12 năm 2022, Công an huyện Y đã bắt bị cáo theo lệnh bắt của Tòa án. Vì vậy, cần phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại trại giam nhưng khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo và xử phạt bị cáo với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Đối với ông Nguyễn Văn H đã cho bị cáo N cầm cố xe máy do bị cáo trộm cắp mà có, tuy nhiên ông Hồng không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không có đủ cơ sở xử lý ông Hồng là phù hợp.

[7] Về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh xác nhận đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô 88F1- 048.19. Nay không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, tuy nhiên chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với ông Nguyễn Văn H tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra ông Hồng yêu cầu bị cáo N bồi thường cho ông số tiền 3.500.000đồng là khoản tiền ông đưa cho N cầm cố xe mô tô 88F1- 048.19, xét thấy yêu cầu của ông Hồng là hoàn toàn phù hợp nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ trả ông Hồng số tiền 3.500.000đồng. Quá trình điều tra Cơ quan Công an đã tạm giữ của N 80.000đồng là số tiền trong tổng số 3.500.000đồng ông Hồng cầm cố cho N. Nay yêu cầu N phải có nghĩa vụ trả cho ông Hồng số tiền còn lại là 3.420.000đồng.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 xe mô tô Biển kiểm soát 88F3 – 3698 mà N dùng để đi trộm cắp tài sản ngày 07/7/2022, quá trình điều tra xác định được xe ô tô này là của anh Nguyễn Văn H2 mua của một người phụ nữ ở tỉnh Tuyên Quang, khi mua có đầy đủ giấy tờ thủ tục, tuy nhiên sau một thời gian anh Hải làm mất giấy tờ nên cho N mượn từ đầu năm 2022 làm phương tiện đi lại. Qua tra cứu trên dữ liệu, Công an huyện Y chưa xác định rõ nguồn gốc chiếc xe này nên Công an huyện Y đang tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

[8.1] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh, đã cũ, qua sử dụng, có lắp sim thuê bao số 0337.798.914 xác định Trần Văn N sử dụng để gọi liên lạc cho bạn bè và người thân nên trả lại cho Trần Văn N, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự
Xử phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/12/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trần Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 80.000đồng thu giữ của bị cáo (Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Y đang tạm giữ). Nay bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại là 3.420.000đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho Trần Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh, đã cũ, qua sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. Vật chứng, số tiền có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về lệ phí, án phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt cũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án án./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Hồng Phúc Hoàng Văn Khảm

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA huyện Y;
- CQCSTHAHS - CA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Trung Hà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA huyện Y;
- CQCSTHAHS - CA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Trung Hà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Y;
- VKSND tỉnh VP;
- Sở tư pháp tỉnh VP;
- Trại giam CA tỉnh VP;
- Lưu HSVA + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan